

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH BẢO VIỆT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

H.Đ.★
T.Á. N.Đ.



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH BẢO VIỆT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 22
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3400435240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 15 tháng 03 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường 706B, Đồi Cát Bay, Khu phố 5, Phường Mũi Né, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch	
Ông: Vũ Hồng Quỳnh	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2022)
Ông: Dương Đức Minh	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2022)
Ông: Bùi Văn Thành	Thành viên HĐQT	
Ông: Ngô Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	
Ông: Đào Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2022)
Bà: Phan Thuý Giang	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Vũ Hồng Quỳnh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2023)
Ông: Đào Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2023)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2022)
Ông: Nguyễn Minh Cường	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2022)
Ông: Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2022)
Bà: Đặng Thuý Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt

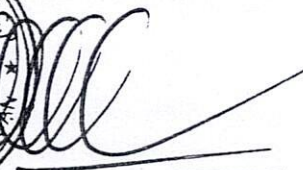
Đường 706B, Đồi Cát Bay, Khu phố 5, Phường Mũi Né, TP.

Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Hồng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Các khoản công nợ Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt là 4.460 triệu đồng và 1.109 triệu đồng, tại thời điểm 01/01/2022 lần lượt là 4.382 triệu đồng và 2.825 triệu đồng. Với các tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán cần thiết đã thực hiện, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng để đưa ra kết luận về tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản công nợ cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt tại 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Ngọc Liên
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 19-12-2024

Số chứng thực: 03323-05 Quyền số: SCT/BS

Bùi Thị Loan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4927-2022-002-1



CÔNG CHỨNG VIÊN
Hồ Chí Anh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		44.986.960.287	54.097.998.569
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	569.392.042	379.652.202
111	1. Tiền		219.392.042	379.652.202
112	2. Các khoản tương đương tiền		350.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		42.785.236.321	52.761.630.541
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		14.310.000	14.310.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	04	19.844.988.384	19.304.756.441
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	05	22.957.195.937	33.473.822.100
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(31.258.000)	(31.258.000)
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		1.632.331.924	956.715.826
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	24.023.917	557.250
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.608.308.007	956.158.576
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		108.350.659.690	98.907.637.508
220	I. Tài sản cố định		6.076.232.495	6.257.959.139
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	-	-
222	- Nguyên giá		1.067.792.728	1.067.792.728
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.067.792.728)	(1.067.792.728)
227	2. Tài sản cố định vô hình	09	6.076.232.495	6.257.959.139
228	- Nguyên giá		8.177.699.250	8.177.699.250
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.101.466.755)	(1.919.740.111)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	07	102.261.716.893	92.649.678.369
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		102.261.716.893	92.649.678.369
260	III. Tài sản dài hạn khác		12.710.302	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	12.710.302	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		153.337.619.977	153.005.636.077

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36.299.853.802	24.538.619.906
310	I. Nợ ngắn hạn		36.299.853.802	24.538.619.906
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.825.333.871	2.825.333.871
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	13.104.582	2.204.582
314	3. Phải trả người lao động		2.063.967.200	2.063.967.200
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.200.000	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	31.396.248.149	19.647.114.253
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		117.037.766.175	128.467.016.171
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	117.037.766.175	128.467.016.171
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		179.946.960.000	179.946.960.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		103.751.960.000	103.751.960.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		76.195.000.000	76.195.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(62.909.193.825)	(51.479.943.829)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(51.479.943.829)	(40.427.516.027)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(11.429.249.996)	(11.052.427.802)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		153.337.619.977	153.005.636.077

Người lập biểu



Lưu Phước An

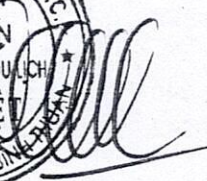
Kế toán trưởng



Lưu Phước An

Bình Thuận, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH
BẢO VIỆT
TP. PHAN THIẾT - T. BÌNH THUẬN



Vũ Hồng Quỳnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	1.020.962	1.125.502
22	7. Chi phí tài chính		-	803.202.448
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	803.202.448
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.020.962	1.125.502
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		-	(803.202.448)
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	(803.202.448)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(803.202.448)

Người lập biểu



Lưu Phước An

Kế toán trưởng



Lưu Phước An

Bình Thuận, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Trưởng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
KHÁCH SẠN VÀ DU LỊCH
BẢO VIỆT
TP. PHAN THIẾT - T. BÌNH THUẬN



Vũ Hồng Quỳnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
02	1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.533.143.313)	(18.503.681.426)
04	2. Tiền lãi vay đã trả		-	(1.030.881.882)
06	3. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		52.146.665.065	109.324.000
07	4. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(41.352.996.293)	(33.753.539.220)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.260.525.459	(53.178.778.528)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.071.806.581)	(321.256.986)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(50.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.020.962	1.125.502
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.070.785.619)	(320.131.484)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	76.793.670.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(23.210.922.642)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	53.582.747.358
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		189.739.840	83.837.346
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		379.652.202	295.814.856
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	569.392.042	379.652.202

Người lập biểu

Lưu Phước An

Kế toán trưởng

Lưu Phước An

Bình Thuận, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Tổng Giám đốc
Vũ Hồng Quỳnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3400435240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 15 tháng 03 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường 706B, Đồi Cát Bay, Khu phố 5, Phường Mũi Né, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2022 là: 179.946.960.000 đồng; Tương đương 17.994.696 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 2 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 2 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Điều hành tour du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm 2022, Công ty không phát sinh các hoạt động kinh doanh dịch vụ, chỉ phát sinh các chi phí quản lý dự án, chi phí khấu hao tài sản là quyền sử dụng đất, và một số chi phí khác có liên quan cho dự án Khu du lịch sinh thái Bảo Việt. Đây là dự án khu du lịch sinh thái phức hợp nằm tại Phường Mũi Né, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận do Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu là 167.760.568.010 đồng, thay đổi lần thứ nhất theo Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 09/06/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận về quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án nâng lên là 638.376.000.000 đồng.
- Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 đang phản ánh số lỗ lũy kế lần lượt là 51,479 tỷ đồng và 62,909 tỷ đồng. Tuy nhiên trong năm 2021, Công ty đã phát hành và bán thành công 7.679.367 cổ phần ưu đãi cổ tức, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tăng số vốn góp chủ sở hữu thêm 76.793.670.000 đồng lên thành 179.946.960.000 đồng để tiếp tục thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái Bảo Việt.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 03 năm.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19. Thông tin bộ phận

Do hoạt động chủ yếu của Công ty trong lĩnh vực du lịch và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	208.394.729	25.671.765
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.997.313	353.980.437
Các khoản tương đương tiền	350.000.000	-
	569.392.042	379.652.202

Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tuần có giá trị 350.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 với lãi suất 1%/năm.

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 Hà Nội	1.264.130.493	-	1.264.130.493	-
- Công ty Cổ phần Hải Uyên	1.067.312.329	-	1.067.312.329	-
- Công ty Cổ phần VII Land	7.200.000.000	-	7.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
- Trả trước người bán khác	3.713.545.562	-	3.173.313.619	-
	19.844.988.384	-	19.304.756.441	-

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng thực hiện dự án	8.678.517.560	-	33.328.392.723	-
- Ký cược, ký quỹ	14.133.600.000	-	-	-
- Phải thu các nhà thầu tiền điện chi hộ	38.152.000	(31.258.000)	38.503.000	(31.258.000)
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	106.926.377	-	106.926.377	-
	22.957.195.937	(31.258.000)	33.473.822.100	(31.258.000)

6. NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
+ Phải thu khác	31.258.000	-	31.258.000	-
Phải thu các nhà thầu tiền điện chi hộ	31.258.000	-	31.258.000	-
	31.258.000	-	31.258.000	-

7. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án Khu du lịch sinh thái Bảo Việt (*)	102.261.716.893	92.649.678.369
	102.261.716.893	92.649.678.369

(*) Thông tin chi tiết dự án:

- Tên Dự án: Du lịch sinh thái Bảo Việt (trước là Khu Du lịch sinh thái Bảo Việt - Mũi Né);
- Địa điểm xây dựng: Phường Mũi Né, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt;
- Tổng mức đầu tư: Theo Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 09/06/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận về quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án là 638.376.000.000 đồng;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm ngày 31/12/2022: Chưa hoàn thiện, một vài hạng mục đã hoàn thành phần thô, một vài hạng mục thi công dở dang, chi phí phát sinh trong năm 2022 chủ yếu là chi phí thiết kế và thi công phòng mẫu theo dự toán mới.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	894.892.728	172.900.000	1.067.792.728
Số dư cuối năm	894.892.728	172.900.000	1.067.792.728
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	894.892.728	172.900.000	1.067.792.728
Số dư cuối năm	894.892.728	172.900.000	1.067.792.728
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.067.792.728 VND

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại Khu phố 5 - Phường Mũi Né - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DH 829415 ngày 29/11/2022, diện tích là 37.942,68 m2, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong thời gian 45 năm. Tại ngày 31/12/2022, tài sản có Nguyên giá và Hao mòn lũy kế lần lượt là 8.177.699.250 đồng và 2.101.466.755 đồng. Trong đó, khấu hao trong kỳ là 181.726.644 đồng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa văn phòng	23.466.667	-
- Các khoản khác	557.250	557.250
	24.023.917	557.250
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.363.636	-
- Các khoản khác	2.346.666	-
	12.710.302	-

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD102	1.566.528.459	1.566.528.459	1.566.528.459	1.566.528.459
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	314.590.425	314.590.425	314.590.425	314.590.425
- Phải trả các đối tượng khác	944.214.987	944.214.987	944.214.987	944.214.987
	2.825.333.871	2.825.333.871	2.825.333.871	2.825.333.871

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.204.582	12.150.000	1.250.000	-	13.104.582
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	61.167.290	61.167.290	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	2.204.582	76.317.290	65.417.290	-	13.104.582

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	37.472.040	37.472.040
- Cổ tức ưu đãi phải trả ông Phạm Quốc Khánh	516.775.872	228.363.373
- Cổ tức ưu đãi phải trả Công ty Dã Hương	29.379.078.785	18.238.241.288
- Phải trả thù lao HĐQT	1.204.700.000	1.046.700.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	258.221.452	96.337.552
	31.396.248.149	19.647.114.253

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	103.153.290.000	(40.427.516.027)	62.725.773.973
Tăng vốn trong năm trước	76.793.670.000	-	76.793.670.000
Lỗ trong năm trước	-	(803.202.448)	(803.202.448)
Cổ tức ưu đãi phải trả	-	(10.249.225.354)	(10.249.225.354)
Số dư cuối năm trước	179.946.960.000	(51.479.943.829)	128.467.016.171
Số dư đầu năm nay	179.946.960.000	(51.479.943.829)	128.467.016.171
Cổ tức ưu đãi phải trả	-	(11.429.249.996)	(11.429.249.996)
Số dư cuối năm nay	179.946.960.000	(62.909.193.825)	117.037.766.175

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết				
Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô Thị - Công ty TNHH	15.000.000.000	8,34%	15.000.000.000	8,34%
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	18.000.000.000	10,01%	18.000.000.000	10,01%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	0,00%	6.000.000.000	3,33%
Phạm Quốc Khánh	6.000.000.000	3,33%	-	0,00%
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương	64.751.960.000	35,98%	64.751.960.000	35,98%
Cổ phiếu ưu đãi về cổ tức không có cam kết mua lại				
Phạm Quốc Khánh	1.922.750.000	1,07%	1.922.750.000	1,07%
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương	74.272.250.000	41,27%	74.272.250.000	41,27%
	179.946.960.000	100,00%	179.946.960.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	179.946.960.000	103.153.290.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	76.793.670.000
- Vốn góp cuối năm	179.946.960.000	179.946.960.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	18.466.604.661	8.217.379.307
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	11.429.249.996	10.249.225.354
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>29.895.854.657</u>	<u>18.466.604.661</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.994.696	17.994.696
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.994.696	17.994.696
- Cổ phiếu phổ thông	10.375.196	10.375.196
- Cổ phiếu ưu đãi	7.619.500	7.619.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.994.696	17.994.696
- Cổ phiếu phổ thông	10.375.196	10.375.196
- Cổ phiếu ưu đãi	7.619.500	7.619.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	1.020.962	1.125.502
	<u>1.020.962</u>	<u>1.125.502</u>

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2022	VND	VND	VND	VND
Tiền	569.392.042	-	-	569.392.042
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.940.247.937	-	-	22.940.247.937
	23.509.639.979	-	-	23.509.639.979
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	379.652.202	-	-	379.652.202
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.456.874.100	-	-	33.456.874.100
	33.836.526.302	-	-	33.836.526.302

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2022	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	34.221.582.020	-	-	34.221.582.020
Chi phí phải trả	1.200.000	-	-	1.200.000
	34.222.782.020	-	-	34.222.782.020
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	22.472.448.124	-	-	22.472.448.124
	22.472.448.124	-	-	22.472.448.124

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

17. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Lưu Phước An

Kế toán trưởng



Lưu Phước An

Bình Thuận, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Quỳnh



HĂNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam